

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	8 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	15
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	16 - 51

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>
72/UBCK-GPĐCCTCK	06/09/2007	Tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng
100/UBCK-GPĐCCTCK	28/12/2007	Tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 240 tỷ đồng
30/GPĐC-UBCK	14/11/2014	Thay đổi người đại diện pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn
46/GPĐC-UBCK	20/10/2015	Dời trụ sở chính về Tầng 14, tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 14, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 240.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 80.202.433.302 VND, tổng tài sản là 468.598.132.931 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt nam với hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán, Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ đầy đủ quy định về hạn chế đầu tư theo các quy định tại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Trương Văn Toa	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Ông Phan Vũ Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Ông Trương Hà Sơn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Bà Phan Thị Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Ông Vũ Hải Bình	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Ông Phan Vũ Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Ông Lâm Đạo Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Ông Võ Quang Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Ông Diệp Trí Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Phạm Đức Duy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Ông Dương Đình Lai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Bà Lê Thị Phương Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Phẩm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016
Ông Phạm Đức Duy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Cao Thanh Định	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2016
Ông Nguyễn Trát Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2016
Bà Võ Thị Minh Ngân	Giám đốc Tài Chính	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 7 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Lệ Tùng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 9 năm 2012
Ông Nguyễn Trát Minh Phương	Quyền Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2016
Ông Cao Thanh Định	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ là Ông Trương Văn Toa, Chủ tịch Hội đồng quản trị, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường Niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2016 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/2016/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 6 năm 2016. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 6 năm 2016.

Hiện nay, Công ty đang tiến hành các thủ tục sửa đổi Giấy phép hoạt động kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo đúng quy định hiện hành.

Ông Cao Thanh Định được Ông Trương Văn Toa ủy quyền ký báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo Quyết định Ủy quyền số 20/2016/HĐQT ngày 1 tháng 8 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả thu nhập toàn diện giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Cao Thanh Định
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

08
01
INH
ST
IỆ
TR

Số tham chiếu: 61240646/18609108-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (“Công ty”) được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016 từ trang 6 đến trang 51 bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến *Thuyết minh số 9 – Tiền và các khoản tương đương tiền*. Theo đó, Công ty có một số khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán là 380 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam từ năm 2011. Các khoản tiền gửi này có liên quan đến vụ án Huỳnh Thị Huyền Như mà Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã thực hiện gửi tiền tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, hiện đang được cơ quan chức năng điều tra, truy tố và xét xử lại. Ngày 7 tháng 1 năm 2015, Tòa án Nhân dân Tối cao đã tuyên Bản án Hình sự Phúc thẩm, theo đó, Hội đồng xét xử đã nhận định và đánh giá “Hành vi phạm tội của bị cáo Như có dấu hiệu của tội Tham ô tài sản” và hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm đã xử bị cáo Huỳnh Thị Huyền Như tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông và giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm soát nhân dân tối cao để chuyển cơ quan điều tra Bộ Công An điều tra, truy tố xét xử lại. Theo các quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự đối với một vụ án đã được điều tra lại, việc xác định trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của các bên liên quan chỉ được thực hiện khi vụ án đã được xét xử, có phán quyết cụ thể và bản án có hiệu lực. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đang chờ các bước điều tra, xét xử tiếp theo liên quan đến vụ án. Do đó, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản tiền gửi này và tùy theo sự nhìn nhận của các bên liên quan mà sự việc này có thể làm ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác soát xét và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ soát xét này ngày 13 tháng 8 năm 2015.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B01g-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước (trình bày lại) VND
20	I. Doanh thu hoạt động		7.153.954.756	7.223.714.577
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		5.974.300.633	6.302.750.142
01.1	a. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	265.972.571	1.074.841.363
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2	4.523.467.342	3.077.611.524
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	5.3	1.184.860.720	2.150.297.255
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	5.3	4.606.208	13.290.319
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.4	811.892.968	709.007.369
08	4. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn	5.4	184.676.724	-
10	5. Doanh thu lưu ký chứng khoán	5.4	170.060.495	188.541.249
11	6. Thu nhập từ hoạt động khác	5.4	8.417.728	10.125.498
40	II. Chi phí hoạt động		7.732.823.302	(434.490.611)
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		7.196.146.200	7.335.659.015
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	3.056.710.000	2.719.150.885
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2	4.139.436.200	4.616.508.130
23	2. Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu		(2.500.000.000)	(10.000.000.000)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh		820.813.643	569.585.977
27	4. Chi phí môi giới chứng khoán		1.814.850.616	1.365.149.183
29	5. Chi phí tư vấn		248.637.902	132.709.795
30	6. Chi phí lưu ký chứng khoán		152.374.941	162.405.419
50	III. Doanh thu hoạt động tài chính	6	271.686.412	199.471.179
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ		271.686.412	199.471.179
60	IV. Chi phí tài chính		42.600.000	4.300.000
51	1. Chi phí lãi vay		42.600.000	4.300.000
62	VI. Chi phí quản lý công ty chứng khoán	7	4.540.580.000	3.966.748.326
70	VII. Kết quả hoạt động		(4.890.362.134)	3.886.628.041
80	VIII. Thu nhập khác và chi phí khác		1.427.002	(349.465.000)
71	1. Thu nhập khác		1.687.852	535.000
72	2. Chi phí khác		260.850	350.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO THU NHẬP TOÀN DIỆN GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B01g-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước (trình bày lại) VND
90	IX. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế		(4.888.935.132)	3.537.163.041
91	1. (Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện		(5.272.966.274)	5.076.059.647
92	2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		384.031.142	(1.538.896.606)
100	X. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	8	-	-
200	XI. (Lỗ)/lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN		(4.888.935.132)	3.537.163.041
201	1. Lỗ/(lợi nhuận) sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu		(4.888.935.132)	3.537.163.041
300	XII. (Chi phí)/thu nhập toàn diện khác sau thuế TNDN		-	-
400	Tổng (chi phí)/thu nhập toàn diện		(4.888.935.132)	3.537.163.041
401	1. (Chi phí)/Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu		(4.888.935.132)	3.537.163.041
500	XIII. (Chi phí)/Thu nhập thuần trên cổ phiếu phổ thông		(4.888.935.132)	3.537.163.041
501	1. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	26.3	(204)	147
502	2. (Chi phí)/thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		(204)	147

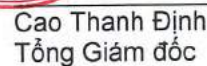


Nguyễn Thị Khánh Hòa
Người lập



Nguyễn Thị Lệ Tùng
Kế toán Trưởng




Cao Thanh Định
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02g-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ (Trình bày lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		460.997.869.452	461.584.385.939
110	I. Tài sản tài chính		460.153.267.828	460.951.454.488
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	9	399.197.556.361	402.560.414.632
111.1	a. Tiền		4.197.556.361	1.560.414.632
111.2	b. Các khoản tương đương tiền		395.000.000.000	401.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	11.1	57.159.078.582	51.777.688.869
114	3. Các khoản cho vay	11.2	1.076.432.045	1.480.977.107
117	4. Các khoản phải thu		39.079.916.557	49.095.764.023
117.1	a. Phải thu bán các tài sản tài chính	12	37.960.206.284	44.125.276.126
117.2	b. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	12	1.119.710.273	4.970.487.897
117.3	- Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		567.326.941	3.621.687.899
117.4	- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		552.383.332	1.348.799.998
119	5. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	12	55.642.114	50.564.914
122	6. Các khoản phải thu khác	12	2.153.705.393	187.380.967
129	7. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	12	(38.569.063.224)	(44.201.336.024)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		844.601.624	632.931.451
131	1. Tạm ứng		92.902.000	162.339.700
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	670.974.292	153.880.575
135	3. Tài sản ngắn hạn khác		80.725.332	316.711.176
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		7.600.263.479	8.077.942.150
220	II. Tài sản cố định		1.714.188.873	2.029.878.521
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	1.089.137.939	1.267.763.321
222	a. Nguyên giá		4.871.484.295	4.871.484.295
223a	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(3.782.346.356)	(3.603.720.974)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	625.050.934	762.115.200
228	a. Nguyên giá		7.174.617.564	7.013.017.564
229a	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(6.549.566.630)	(6.250.902.364)
250	V. Tài sản dài hạn khác		5.886.074.606	6.048.063.629
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	16	616.857.560	616.857.560
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	17	1.612.907.862	1.863.680.956
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	18	3.656.309.184	3.567.525.113
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		468.598.132.931	469.662.328.089

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02g-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ (Trình bày lại) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		388.395.699.629	384.570.959.655
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		388.395.699.629	384.570.959.655
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	19	4.000.000.000	-
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	20	380.000.000.000	380.000.000.000
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn		693.600.000	-
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		45.000.000	149.125.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	214.747.072	302.372.244
323	6. Phải trả người lao động		4.470.641	335.613.641
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	377.919.860	703.879.753
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	3.059.727.938	3.079.734.899
331	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		234.118	234.118
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		80.202.433.302	85.091.368.434
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	80.202.433.302	85.091.368.434
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		290.000.000.000	290.000.000.000
411.1	a. Vốn góp của chủ sở hữu		240.000.000.000	240.000.000.000
411.1a	- Cổ phiếu phổ thông		240.000.000.000	240.000.000.000
411.2	b. Thặng dư vốn cổ phần		50.000.000.000	50.000.000.000
415	2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		1.047.890.198	1.047.890.198
417	3. Lỗ lũy kế		(210.845.456.896)	(205.956.521.764)
417.1	a. Lỗ chưa thực hiện		(4.139.217.606)	(4.523.248.748)
417.2	b. Lỗ đã thực hiện		(206.706.239.290)	(201.433.273.016)
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		468.598.132.931	469.662.328.089

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02g-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ (Trình bày lại) VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
003	1. Tài sản nhận thế chấp		-	1.618.610.000
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành (*)	25.1	24.000.000	24.000.000
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK	25.3	19.451.950.000	7.893.240.000
008.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		19.451.950.000	4.493.040.000
008.5	b. Tài sản tài chính chờ thanh toán		-	3.400.200.000
010	4. Tài sản tài chính chờ về của CTCK		200.000.000	40.000.000
012	5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK	25.4	4.000.000.000	16.000.000.000
013	6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	25.5	80.000.000	-
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư (*)	25.6	51.800.297	54.224.175
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		42.366.340	46.675.950
021.4	b. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		9.204.112	7.338.815
021.5	c. Tài sản tài chính chờ thanh toán		229.845	209.410
023	2. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	25.7	378.420	463.940

(*) Số dư tài khoản này thể hiện số lượng chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02g-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ (Trình bày lại) VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	1. Tiền gửi của khách hàng	25.8	22.954.566.152	14.972.233.525
027	2. Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	25.8	19.370.086.152	11.683.263.525
027.1	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		19.370.086.152	11.683.263.525
028	3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	25.8	3.584.480.000	3.288.970.000
028.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		3.584.480.000	3.288.970.000
030	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.9	22.954.566.152	14.972.233.525
030.1	a. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		22.917.551.525	14.947.336.669
030.2	b. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		37.014.627	24.896.856
034	5. Phải trả vay CTCK	25.11	1.076.432.045	1.480.977.107
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	25.12	2.036.286.619	2.036.853.619

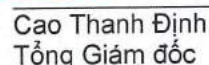


Nguyễn Thị Khánh Hòa
Người lập



Nguyễn Thị Lệ Tùng
Kế toán Trưởng




Cao Thanh Định
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B03ag-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước (trình bày lại) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. (Lỗ)/ lợi nhuận trước Thuế TNDN		(4.888.935.132)	3.537.163.041
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
03	- Khấu hao TSCĐ	15, 16	477.289.648	751.421.932
04	- Các khoản hoàn nhập dự phòng		(2.500.000.000)	(10.000.000.000)
06	- Chi phí phải trả, chi phí trả trước		377.919.860	119.181.360
08	- Dự thu tiền lãi	12	(552.383.332)	(1.110.402.775)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ			
11	- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	5.2	4.139.436.200	4.616.508.130
20	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ			
21	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	5.2	(4.523.467.342)	(3.077.611.524)
30	5. Thay đổi tài sản và nợ phải trả hoạt động			
31	- Tăng tài sản tài chính FVTPL		(4.877.358.571)	(2.513.827.621)
33	- Giảm các khoản cho vay		404.545.062	1.445.198.175
35	- Tăng các tài sản khác		(49.681.150)	(1.421.527.340)
42	6. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(11.992.634.757)	(7.653.896.622)
43	- Giảm phải thu bán các tài sản tài chính		6.087.158.000	10.035.672.775
44	- Giảm/(tăng) phải thu tiền lãi các tài sản tài chính		1.348.799.998	(723.940.404)
45	- Tăng các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(5.077.200)	(2.457.801)
47	- Tăng các khoản phải thu khác		(2.086.324.426)	(8.623.734.473)
48	- Tăng các phải trả cho người bán		693.600.000	321.075.000
50	- Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(87.625.172)	(44.647.005)
51	- Giảm phải trả, phải nộp khác		(1.159.154.714)	(6.421.497.337)
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(7.201.258.271)	(13.113.425.867)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B03ag-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước (trình bày lại) VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		(161.600.000)	-
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(161.600.000)	-
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
73	1. Tiền vay gốc		7.000.000.000	3.000.000.000
74	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.000.000.000	-
90	GIẢM TIỀN THUẦN TRONG KỲ		(3.362.858.271)	(13.113.425.867)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ		22.560.414.632	14.442.156.926
102	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		22.560.414.632	14.442.156.926
102.1	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK		1.557.191.454	486.048.662
102.2	- Các khoản tương đương tiền		21.000.000.000	13.950.631.955
102.3	- Tiền mặt		3.223.178	5.476.309
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ		19.197.556.361	1.328.731.059
104	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		19.197.556.361	1.328.731.059
104.1	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK		4.190.017.028	1.323.811.304
104.2	- Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	-
104.3	- Tiền mặt		7.539.333	4.919.755

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B03ag-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước (trình bày lại) VND
01	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
	- Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		274.596.928.400	222.917.791.300
02	- Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(196.008.466.400)	(185.554.529.100)
05	- Thu tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng		53.760.757.800	227.855.397.002
06	- Chi tiền từ tài khoản vãng lai của khách hàng		(195.114.631.512)	(314.642.121.187)
09	- Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		70.914.814.523	59.211.536.208
11	- Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(167.070.184)	(188.541.249)
20	Tăng tiền thuần trong kỳ		7.982.332.627	9.599.532.974
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		14.972.233.525	14.298.786.504
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		14.972.233.525	14.298.786.504
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		11.683.263.525	7.043.933.504
35	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		3.288.970.000	7.254.853.000
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		22.954.566.152	23.898.319.478
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		22.954.566.152	23.898.319.478
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		19.370.086.152	18.114.242.478
45	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		3.584.480.000	5.784.077.000

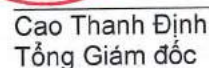


Nguyễn Thị Khánh Hòa
Người lập



Nguyễn Thị Lệ Tùng
Kế toán Trưởng




Cao Thanh Định
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 08 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

B04g-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm						Số dư cuối kỳ	
		Ngày 01/01/2015 VND	Ngày 01/01/2016 VND	Kỳ trước		Kỳ này		Ngày 30/06/2015 VND	Ngày 30/06/2016 VND		
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24	290.000.000.000	290.000.000.000	-	-	-	-	290.000.000.000	290.000.000.000		
2. Vốn pháp định		240.000.000.000	240.000.000.000	-	-	-	-	240.000.000.000	240.000.000.000		
3. Thặng dư vốn cổ phần		50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000		
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		1.047.890.198	1.047.890.198	-	-	-	-	1.047.890.198	1.047.890.198		
5. Lỗ lũy kế		(209.760.723.362)	(205.956.521.764)	5.076.059.647	(1.538.896.606)	384.031.142	(5.272.966.274)	(206.223.560.321)	(210.845.456.896)		
a. Lỗ đã thực hiện		(162.800.212.543)	(201.433.273.016)	5.076.059.647	-	-	(5.272.966.274)	(157.724.152.896)	(206.706.239.290)		
b. Lỗ chưa thực hiện		(46.960.510.819)	(4.523.248.748)	-	(1.538.896.606)	384.031.142	-	(48.499.407.425)	(4.139.217.606)		
TỔNG CỘNG		81.287.166.836	85.091.368.434	5.076.059.647	(1.538.896.606)	384.031.142	(5.272.966.274)	84.824.329.877	80.202.433.302		


Nguyễn Thị Khánh Hòa
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016


Nguyễn Thị Lệ Tùng
Kế toán Trưởng

Caio Thanh Định
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B05g-CTCK

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>
72/UBCK-GPĐCCTCK	06/09/2007	Tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng
100/UBCK-GPĐCCTCK	28/12/2007	Tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 240 tỷ đồng
30/GPĐC-UBCK	14/11/2014	Thay đổi người đại diện pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn
46/GPĐC-UBCK	20/10/2015	Đời trụ sở chính về Tầng 14, tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 14, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 là: 28 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 28 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2015.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ("Thông tư 210"). Thông tư này thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016. Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Những thay đổi quan trọng do áp dụng Thông tư 210 bao gồm:

- ▶ Thay đổi tên và hình thức các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán được đổi tên thành báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được đổi tên thành báo cáo thu nhập toàn diện; báo cáo thu nhập toàn diện khác, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- ▶ Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay.
- ▶ Quản lý tách biệt tài sản của công ty chứng khoán và của nhà đầu tư trên các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả.

Ngoài ra, Thông tư 210 cũng hướng dẫn việc đo lường các tài sản tài chính như sau:

- ▶ Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và chênh lệch đánh giá lại phát sinh sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản tài chính FVTPL trên Báo cáo thu nhập toàn diện của Công ty.
- ▶ Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận theo giá trị hợp lý và mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ một tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (Thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS.
- ▶ Các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM): được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.
- ▶ Các khoản cho vay: được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Tuy nhiên, do Luật Kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý được trình bày ở trên sẽ tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản lỗ/dự phòng suy giảm giá trị (nếu có) cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Thông tư 210 có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực khi Luật Kế toán số 88/2015/QH13 có hiệu lực tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 210 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại *Thuyết minh số 26.8*.

3.2 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán mới"). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc do Luật Kế toán hiện hành chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý.

Khoản lỗ do suy giảm giá trị của các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ trên khoản mục "Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ ngay khi phát sinh.

3.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được phân loại thành 5 nhóm theo phương pháp định tính và định lượng theo quy định tại Thông tư 210.

Các khoản cho vay được phân loại vào các nhóm nợ có rủi ro thấp hơn khi khách hàng đã trả đầy đủ nợ gốc và lãi theo kỳ hạn trả nợ ban đầu (đối với các khoản cho vay quá hạn) hoặc theo kỳ hạn trả nợ đã cơ cấu (đối với các khoản cho vay cơ cấu); đồng thời thỏa mãn đầy đủ các điều kiện về hồ sơ, chứng từ khách hàng đã trả nợ; và các tài liệu đánh giá khả năng khách hàng trả nợ còn lại đúng hạn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được phân loại vào các nhóm nợ có rủi ro cao hơn trong các trường hợp sau:

- ▶ Xảy ra các biến động bất lợi trong môi trường, lĩnh vực kinh doanh tác động tiêu cực trực tiếp đến khả năng trả nợ của khách hàng như: thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, môi trường kinh tế...;
- ▶ Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, tỷ lệ nợ trên vốn, dòng tiền, khả năng trả nợ của khách hàng suy giảm liên tục hoặc có biến động lớn theo chiều hướng suy giảm qua 03 lần đánh giá, phân loại nợ liên tục;
- ▶ Khách hàng không cung cấp đầy đủ, kịp thời và trung thực các thông tin tài chính theo yêu cầu để đánh giá khả năng trả nợ;
- ▶ Khoản nợ đã được phân loại vào các nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4 từ 1 năm trở lên nhưng không đủ điều kiện phân loại vào nhóm có rủi ro thấp hơn;
- ▶ Nợ mà hành vi cho vay bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

3.6 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay bao gồm: dự phòng cụ thể và dự phòng chung. Trong đó:

- ▶ Dự phòng cụ thể là số tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra đối với từng khoản cho vay cụ thể.
- ▶ Dự phòng chung là số tiền được trích lập để dự phòng cho những tổn thất có thể xảy ra nhưng chưa xác định được khi trích lập dự phòng cụ thể.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng chung và dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay theo hướng dẫn tại Thông tư 210 như sau:

- Dự phòng chung phải trích được xác định bằng 0,75% tổng số dư các khoản cho vay từ nhóm 1 đến nhóm 4, trừ các khoản tiền gửi.
- Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

3.8 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo thu nhập toán diện giữa niên độ trên khoản mục "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong kỳ.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ.

3.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ.

3.11 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm tin học	3 - 5 năm

3.12 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được xem là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

3.15 Các khoản vay

Các khoản vay được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

3.16 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.17 Lợi ích của nhân viên

3.17.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản và phụ cấp hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.17.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

3.20 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

3.21 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

3.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả thu nhập toàn diện giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả thu nhập toàn diện giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối

Lợi nhuận/(lỗ) chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào loại nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

3.24 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.25 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

B05-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

5.1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này VND
Cổ phiếu niêm yết	573.210	135.130	12.152.114.000	14.942.851.429	(2.790.737.429)
PVB	500.000	19.872	9.935.800.000	12.992.510.000	(3.056.710.000)
DHG	20	85.000	1.700.000	1.371.429	328.571
BFC	73.190	30.258	2.214.614.000	1.948.970.000	265.644.000
	573.210	135.130	12.152.114.000	14.942.851.429	(2.790.737.429)

5.2. Chênh lệch tăng và đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này VND	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này VND
I	FVTPL (Thuyết minh số 11.3)	61.298.296.188	57.159.078.582	(4.139.217.606)	(4.523.248.748)	384.031.142
1	Cổ phiếu niêm yết	29.998.296.188	25.859.078.582	(4.139.217.606)	(4.523.248.748)	384.031.142
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	4.300.000.000	4.300.000.000	-	-	-
3	Công cụ thị trường tiền tệ	27.000.000.000	27.000.000.000	-	-	-
II	Các khoản cho vay	1.076.432.045	1.076.432.045	-	-	-
		62.374.728.233	58.235.510.627	(4.139.217.606)	(4.523.248.748)	384.031.142

Trong đó:

Chênh lệch tăng về đánh giá
lại các tài sản tài chính FVTPL
Chênh lệch giảm về đánh giá
lại các tài sản tài chính FVTPL

4.523.467.342
(4.139.436.200)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

5. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL và các khoản cho vay

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	1.184.860.720	2.150.297.255
Từ các khoản cho vay	4.606.208	13.290.319
	1.189.466.928	2.163.587.574

5.4. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước (trình bày lại) VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	811.892.968	709.007.369
Doanh thu hoạt động tư vấn	184.676.724	-
Doanh thu lưu ký chứng khoán	170.060.495	188.541.249
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	8.417.728	10.125.498
	1.175.047.915	907.674.116

6. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước (trình bày lại) VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	271.686.412	199.471.179

7. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước (trình bày lại) VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.181.535.277	2.123.069.395
Chi phí thuê văn phòng	860.979.832	393.033.251
Chi phí kiểm toán, tư vấn, bảo hành phần mềm	352.194.651	235.187.304
Chi phí khấu hao TSCĐ	303.170.458	518.129.701
Chi phí công cụ, dụng cụ	279.707.114	67.558.916
Chi phí tiếp khách	52.364.842	62.445.939
Chi phí thuế, phí và lệ phí	2.910.142	3.000.000
Chi phí khác	507.717.684	564.323.820
	4.540.580.000	3.966.748.326

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

8. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

8.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Kỳ này VND	Kỳ trước (trình bày lại) VND
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trước thuế	(4.888.935.132)	3.537.163.041
Chi phí không được khấu trừ	-	362.500.000
(Lỗ)/lợi nhuận tính thuế ước tính	(4.888.935.132)	3.899.663.041
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(3.899.663.041)
Thu nhập chịu thuế ước tính	-	-
Chi phí thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ	-	-

8.2 Chuyển lỗ

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 149.210.298.662 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế VND	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/06/2016 VND	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/06/2016 VND
2011	2016	27.313.561.965	-	27.313.561.965
2013	2018	117.007.801.565	-	117.007.801.565
2016	2021	4.888.935.132	-	4.888.935.132
		149.210.298.662		149.210.298.662

Số lỗ tính thuế từ năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 chưa được kiểm tra và quyết toán bởi cơ quan thuế.

8.3 Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 do Công ty không thể dự tính được là sẽ có đủ lợi nhuận trong tương lai để sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 29.842.059.732 đồng, chủ yếu phát sinh từ số lỗ tính thuế mang sang các năm sau.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

9. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Tiền mặt tại quỹ	7.539.333	3.223.178
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	4.190.017.028	1.557.191.454
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	21.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng quá hạn (*)	380.000.000.000	380.000.000.000
	399.197.556.361	402.560.414.632

(*) Tiền gửi ngân hàng quá hạn là các khoản tiền gửi này có liên quan đến vụ án Huỳnh Thị Huyền Như mà Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã thực hiện gửi tiền tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, hiện đang được cơ quan chức năng điều tra, truy tố và xét xử lại. Ngày 7 tháng 1 năm 2015, Tòa án Nhân dân Tối cao đã tuyên Bản án Hình sự Phúc thẩm, theo đó, Hội đồng xét xử đã nhận định và đánh giá "Hành vi phạm tội của bị cáo Như có dấu hiệu của tội Tham ô tài sản" và hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm đã xử bị cáo Huỳnh Thị Huyền Như tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông và giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm soát nhân dân tối cao để chuyển cơ quan điều tra Bộ Công An điều tra, truy tố xét xử lại.

Theo các quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự đối với một vụ án đã được điều tra lại, việc xác định trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của các bên liên quan chỉ được thực hiện khi vụ án đã được xét xử, có phán quyết cụ thể và bản án có hiệu lực. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đang chờ các bước điều tra, xét xử tiếp theo liên quan đến vụ án. Do đó, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản tiền gửi này và tùy theo sự nhìn nhận của các bên liên quan mà sự việc này có thể làm ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, tiền và các khoản tương đương tiền không bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng đã quá hạn, chi tiết như sau:

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Tiền mặt tại quỹ	7.539.333	3.223.178
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	4.190.017.028	1.557.191.454
Các khoản tương đương tiền	395.000.000.000	401.000.000.000
Trừ: các khoản tiền đã quá hạn thanh toán	<i>(380.000.000.000)</i>	<i>(380.000.000.000)</i>
	19.197.556.361	22.560.414.632

10. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ VND
a. Của Công ty		
- Cổ phiếu	586.100	11.830.750.000
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	21.461.257	244.003.986.000
	22.047.357	255.834.736.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

11. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

11.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):

TSTC FVTPL	Số dư cuối kỳ		Số dư đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	25.859.078.582	30.307.838.600	12.677.688.869	12.705.622.600
SLC	13.130.000.000	17.550.000.000	-	-
PVB	9.900.000.000	9.900.000.000	8.988.000.000	8.988.000.000
VLC	1.159.450.000	1.183.190.000	-	-
TFC	928.000.000	928.000.000	1.733.400.000	1.733.400.000
CSM	736.796.042	740.308.800	1.037.400	1.037.400
BFC	-	-	1.948.970.000	1.976.130.000
Khác	4.832.540	6.339.800	6.281.469	7.055.200
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.300.000.000	4.300.000.000	12.100.000.000	12.100.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất khẩu Lao động và Chuyên gia	-	-	9.100.000.000	9.100.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	27.000.000.000	27.000.000.000	27.000.000.000	27.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	11.000.000.000	11.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Bản Việt	7.000.000.000	7.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Quỹ tín dụng Nhân dân Đông Sài Gòn	1.000.000.000	1.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Quỹ tín dụng Nhân dân Tây Sài Gòn	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
	57.159.078.582	61.607.838.600	51.777.688.869	51.805.622.600

11.2 Các khoản cho vay:

	Số dư cuối kỳ		Số dư đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	1.076.432.045	1.076.432.045	1.480.977.107	1.480.977.107

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

B05g-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.3 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính hạch toán theo phương pháp giá gốc và lập dự phòng

	Số lượng	Giá mua VND	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Giá trị lập dự phòng kỳ này VND	Giá trị lập dự phòng kỳ trước VND	Số (trích lập)/ hoàn nhập kỳ này VND
I TSTC FVTPL	2.353.195	61.298.296.188	61.607.838.600	(4.139.217.606)	(4.523.248.748)	384.031.142
1 Cổ phiếu niêm yết	1.953.195	29.998.296.188	30.307.838.600	(4.139.217.606)	(4.523.248.748)	384.031.142
SLC	1.300.000	13.130.000.000	17.550.000.000	-	(4.030.000.000)	4.030.000.000
PVB	500.000	12.992.510.000	9.900.000.000	(3.092.510.000)	(380.160.000)	(2.712.350.000)
VLC	58.000	1.159.450.000	928.000.000	(1.038.180.000)	(104.380.000)	(933.800.000)
TFC	66.100	1.966.180.000	1.183.190.000	-	-	-
CSM	28.042	736.796.042	740.308.800	-	(258.642)	258.642
Khác	1.053	13.360.146	6.339.800	(8.527.606)	(8.450.106)	(77.500)
2 Cổ phiếu chưa niêm yết	400.000	4.300.000.000	4.300.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Vĩnh Long	300.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	100.000	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-	-
3 Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại	-	27.000.000.000	27.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Á	-	11.000.000.000	11.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Bản Việt	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	-
Quý tín dụng Nhân dân Đông Sài Gòn	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-
Quý tín dụng Nhân dân Tây Sài Gòn	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-
II Các khoản cho vay	-	1.076.432.045	1.076.432.045	-	-	-
	2.353.195	61.298.296.188	61.607.838.600	(4.139.217.606)	(4.523.248.748)	384.031.142

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	37.960.206.284	44.125.276.126
- Phải thu hợp đồng repo cổ phiếu (i)	37.510.206.284	40.088.118.126
- Phải thu bán các TSTC	450.000.000	4.037.158.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	1.119.710.273	4.970.487.897
- Phải thu lãi, cổ tức đến ngày nhận nhưng chưa nhận được	567.326.941	3.621.687.899
- Phải thu lãi và cổ tức dự thu	552.383.332	1.348.799.998
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	55.642.114	50.564.914
Phải thu khác (ii)	2.153.705.393	187.380.967
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (iii)	<u>(38.569.063.224)</u>	<u>(44.201.336.024)</u>
	<u>2.720.200.840</u>	<u>5.132.373.880</u>

(i) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng giao dịch mua và cam kết bán lại cổ phiếu đã phát sinh và quá hạn từ các năm trước. Công ty đã trích lập dự phòng 100% các khoản phải thu này do không có khả năng thu hồi.

(ii) Chi tiết các khoản phải thu khác như sau:

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Phải thu Hợp đồng giao dịch cổ phiếu chưa đến hạn chuyển nhượng	2.089.100.000	-
Phải thu án phí	63.280.578	63.280.578
Phải thu bảo hiểm xã hội	1.173.356	4.100.389
Phải thu phí lưu ký TKCK liên kết qua ngân hàng	151.459	-
Phải thu đặt cọc giao dịch đấu giá	-	120.000.000
	<u>2.153.705.393</u>	<u>187.380.967</u>

(iii) Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu như sau:

Loại phải thu khó đòi	Giá trị phải thu khó đòi cuối kỳ VND	Số dự phòng đầu kỳ VND	Số dự phòng hoàn nhập trong kỳ VND	Số dự phòng cuối kỳ VND	Giá trị phải thu khó đòi đầu kỳ VND
Dự phòng khó đòi phải thu bán các tài sản tài chính	37.960.206.283	40.538.118.125	(2.577.911.842)	37.960.206.283	40.538.118.125
- Phải thu các cá nhân theo các hợp đồng hỗ trợ thanh toán	37.510.206.283	40.088.118.125	(2.577.911.842)	37.510.206.283	40.088.118.125
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	450.000.000	450.000.000	-	450.000.000	450.000.000
Dự phòng khó đòi phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	567.326.941	3.621.687.899	(3.054.360.958)	567.326.941	3.621.687.899
Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	41.530.000	41.530.000	-	41.530.000	41.530.000
	<u>38.569.063.224</u>	<u>44.201.336.024</u>	<u>(5.632.272.800)</u>	<u>38.569.063.224</u>	<u>44.201.336.024</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Phí thường niên và bảo trì phần mềm	312.749.998	-
Chi phí thuê đường truyền dẫn	199.796.026	125.372.962
Chi phí quản lý thành viên	49.999.990	-
Công cụ, dụng cụ	23.379.994	-
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	8.969.307	10.951.047
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	76.078.977	17.556.566
	670.974.292	153.880.575

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	3.931.029.750	940.454.545	4.871.484.295
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	3.931.029.750	940.454.545	4.871.484.295
Trong đó: đã khấu hao hết	3.232.979.750	-	3.232.979.750
Hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	3.407.792.944	195.928.030	3.603.720.974
Khấu hao trong kỳ	100.254.168	78.371.214	178.625.382
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	3.508.047.112	274.299.244	3.782.346.356
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	523.236.806	744.526.515	1.267.763.321
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	422.982.638	666.155.301	1.089.137.939

41030
CÔNG
CỔ PH
ỨNG I
HƯỜNG
-T.P.H

// 0
RA
EF
/ 2

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	<i>Phần mềm tin học VND</i>
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.013.017.564
Mua trong kỳ	<u>161.600.000</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>7.174.617.564</u>
<i>Trong đó: đã hao mòn hết</i>	<u>4.080.241.564</u>
Hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	6.250.902.364
Hao mòn trong kỳ	<u>298.664.266</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>6.549.566.630</u>
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2016	<u>762.115.200</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>625.050.934</u>

16. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	<u>616.857.560</u>	<u>616.857.560</u>

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Chi phí cải tạo văn phòng	1.000.120.662	1.244.433.307
Chi phí vật dụng văn phòng	473.905.517	606.761.642
Chi phí thuê đường truyền dẫn	131.472.000	-
Chi phí khác	<u>7.409.683</u>	<u>12.486.007</u>
	<u>1.612.907.862</u>	<u>1.863.680.956</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

18. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và Thông tư số 43/2010/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 03 năm 2015 và Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 05 năm 2014 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán trong kỳ như sau:

	<u>Số dư cuối kỳ</u> VND	<u>Số dư đầu kỳ</u> VND
Tiền nợ ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nợ bổ sung	3.536.309.184	3.447.525.113
	<u>3.656.309.184</u>	<u>3.567.525.113</u>

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>Lãi suất</u> vay %/năm	<u>Số dư</u> đầu kỳ VND	<u>Số vay</u> trong kỳ VND	<u>Số đã trả</u> trong kỳ VND	<u>Số dư cuối kỳ</u> VND
Vay ngắn hạn					
Quỹ tín dụng Nhân dân Đông Sài Gòn	6%		3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông	7,2%	-	<u>4.000.000.000</u>	-	<u>4.000.000.000</u>
		-	<u>7.000.000.000</u>	<u>(3.000.000.000)</u>	<u>4.000.000.000</u>

Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông với kỳ hạn vay 4 ngày.

20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<u>Số dư cuối kỳ</u> VND	<u>Số dư đầu kỳ</u> VND
Phải trả NHTMCP Tiên Phong	<u>380.000.000.000</u>	<u>380.000.000.000</u>

Đây là khoản tiền nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong trong các năm trước để thực hiện các hợp đồng môi giới mua bán trái phiếu và có liên quan đến khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (xem thêm thông tin tại *Thuyết minh số 9*).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>STT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ VND</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ VND</i>	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>
1	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	125.720.947	226.382.613	213.801.781	138.301.779
2	Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	165.233.116	119.475.181	211.217.549	73.490.748
3	Thuế giá trị gia tăng	11.418.181	19.138.636	27.602.272	2.954.545
4	Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
		302.372.244	368.996.430	456.621.602	214.747.072

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Chi phí dịch vụ chuyên môn	209.000.000	280.500.000
Phí môi giới	57.392.334	52.200.000
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	56.567.426	66.980.212
Chi phí đại hội đồng cổ đông	36.724.000	-
Chi phí lãi vay	1.600.000	-
Chi phí thù lao hội đồng quản trị	-	134.224.333
Chi phí hội nghị và tiệc cuối năm	-	142.282.000
Chi phí khác	16.636.100	27.693.208
	377.919.860	703.879.753

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Số dư cuối kỳ VND</i>	<i>Số dư đầu kỳ VND</i>
Phải trả hộ cổ tức, lãi tiền gửi	2.036.286.619	2.036.853.619
Phải trả cổ tức cho cổ đông của công ty	19.412.500	19.412.500
Phải trả tiền đặt cọc ủy thác đầu thầu	-	7.170.000
Phải trả khác	1.004.028.819	1.016.298.780
	3.059.727.938	3.079.734.899

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Vốn chủ sở hữu

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Vốn góp	240.000.000.000	240.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	50.000.000.000	50.000.000.000
	290.000.000.000	290.000.000.000

24.2 Lỗ lũy kế

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Lỗ lũy kế đầu kỳ	(205.956.521.764)	(209.760.723.362)
Lỗ đã thực hiện trong kỳ	(5.272.966.274)	(38.633.060.473)
Lãi chưa thực hiện trong kỳ	384.031.142	42.437.262.071
	(210.845.456.896)	(205.956.521.764)

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC TÀI KHOẢN LOẠI 0

25.1 Cổ phiếu đang lưu hành

	Số dư cuối kỳ Cổ phiếu	Số dư đầu kỳ Cổ phiếu
Cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000

25.2 Chứng khoán niêm yết lưu ký tại VSD

	Số dư cuối kỳ Cổ phiếu	Số dư đầu kỳ Cổ phiếu
Chứng khoán niêm yết lưu ký tại VSD	24.000.000	24.000.000

25.3 Tài sản tài chính niêm yết/dăng ký giao dịch của CTCK

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	19.451.950.000	4.493.040.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	-	3.400.200.000
	19.451.950.000	7.893.240.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC TÀI KHOẢN LOẠI 0 (tiếp theo)

25.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Cổ phiếu	4.000.000.000	16.000.000.000

25.5 Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Cổ phiếu	80.000.000	-

25.6 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của nhà đầu tư

	Số dư cuối kỳ Cổ phiếu	Số dư đầu kỳ Cổ phiếu
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	42.366.340	46.675.950
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	9.204.112	7.338.815
Tài sản tài chính chờ thanh toán	229.845	209.410
	51.800.297	54.224.175

25.7 Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	Số dư cuối kỳ Cổ phiếu	Số dư đầu kỳ Cổ phiếu
Cổ phiếu	378.420	463.940

25.8 Tiền gửi của nhà đầu tư

	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	19.370.086.152	11.683.263.525
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>19.370.086.152</i>	<i>11.683.263.525</i>
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	3.584.480.000	3.288.970.000
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>3.584.480.000</i>	<i>3.288.970.000</i>
	22.954.566.152	14.972.233.525

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC TÀI KHOẢN LOẠI 0 (tiếp theo)

25.9 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	<u>Số dư cuối kỳ</u> VND	<u>Số dư đầu kỳ</u> VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
<i>Của Nhà đầu tư trong nước</i>	22.917.551.525	14.947.336.669
<i>Của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	37.014.627	24.896.856
	<u>22.954.566.152</u>	<u>14.972.233.525</u>

25.10 Phải trả của nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK

	<u>Số dư cuối kỳ</u> VND	<u>Số dư đầu kỳ</u> VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán và thuế bán chứng khoán	14.112.114	9.034.914
Phải trả phí tư vấn đầu tư	41.530.000	41.530.000
	<u>55.642.114</u>	<u>50.564.914</u>

25.11 Phải trả vay CTCK của nhà đầu tư

	<u>Số dư cuối kỳ</u> VND	<u>Số dư đầu kỳ</u> VND
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán		
<i>Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	1.076.432.045	1.480.977.107
	<u>1.076.432.045</u>	<u>1.480.977.107</u>

25.12 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	<u>Số dư cuối kỳ</u> VND	<u>Số dư đầu kỳ</u> VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	<u>2.036.286.619</u>	<u>2.036.853.619</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

26.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc	Bên liên quan	Thu nhập	581.420.000	531.670.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Số cuối kỳ VND</u>	<u>Số đầu kỳ VND</u>
Hội đồng quản trị	Bên liên quan	Thù lao	-	(134.224.333)

26.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>Số dư cuối kỳ VND</u>	<u>Số dư đầu kỳ VND</u>
Đến 1 năm	1.932.618.240	1.932.618.240
Trên 1 - 5 năm	2.260.721.280	3.227.030.400
	4.193.339.520	5.159.648.640

26.3 Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi/(lỗ) cơ bản.

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.888.935.132)	3.537.163.041
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu – cổ phiếu	24.000.000	24.000.000
(Lỗ)/lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	(204)	147

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.4 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Ban Tổng Giám đốc tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và trình bày thông tin này.

26.5 Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

26.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Công ty không chịu rủi ro ngoại tệ do toàn bộ giao dịch trong năm của Công ty được thực hiện bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 30.307.838.600 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 12.705.896.600 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì sẽ lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 1.248.274.962 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.270.589.660 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 1.083.111.420 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.270.589.660 VND).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên một bảng điểm xếp hạng tín dụng chi tiết và hạn mức tín dụng cá nhân được xác định phù hợp với đánh giá này.

Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ. Ngoại trừ một số khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán là 380 tỷ tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát sinh từ năm 2011, Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ứng trước cho khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng trước khi ký kết các hợp đồng ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về hạn mức tín dụng.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh số 11*, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Ngoại trừ khoản tiền đặt cọc môi giới mua chứng khoán nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong phát sinh trong các năm trước đây và liên quan đến khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán là 380 tỷ đồng hiện đang được cơ quan chức năng điều tra và xét xử lại, Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay ngân hàng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

B05g-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở được chiết khấu.

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
30 tháng 6 năm 2016						
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	-	57.159.078.582	-	-	-	57.159.078.582
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	57.159.078.582	-	-	-	57.159.078.582
Các khoản cho vay	-	-	1.076.432.045	-	-	1.076.432.045
Tài sản tài chính khác	38.527.533.225	64.453.934	2.778.002.237	-	-	41.369.989.396
Các khoản phải thu	38.527.533.225	-	552.383.332	-	-	39.079.916.557
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	-	-	55.642.114	-	-	55.642.114
Các khoản phải thu khác	-	64.453.934	2.089.251.459	-	-	2.153.705.393
Tài sản khác	-	-	80.725.332	-	-	80.725.332
Tiền và các khoản tương đương tiền	380.000.000.000	4.197.556.361	15.000.000.000	-	-	399.197.556.361
	418.527.533.225	61.421.088.877	18.854.434.282	-	-	498.803.056.384
NỢ TÀI CHÍNH						
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	380.000.000.000	-	-	-	-	380.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	693.600.000	-	-	693.600.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-	45.000.000	-	-	45.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	377.919.860	-	-	377.919.860
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	-	1.000.903.819	2.058.824.119	-	-	3.059.727.938
	380.000.000.000	1.000.903.819	7.175.343.979	-	-	388.176.247.798
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	38.527.533.225	60.420.185.058	11.679.090.303	-	-	110.626.808.586

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Phương Đông làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng này (*Thuyết minh số 18*). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 giá trị khoản tiền gửi sử dụng làm tài sản thế chấp là 4.000.000.000 VND. Ngân hàng có trách nhiệm trả lại khoản tiền gửi này cho Công ty sau khi Công ty hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ nợ với Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết. Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

26.7 Quản trị nguồn vốn

Công ty tuân thủ các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") về tỷ lệ an toàn tài chính. Theo đó, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ an toàn tài chính ở mức không thấp hơn 150%, đồng thời xây dựng các phương án dự phòng trong trường hợp tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty rơi xuống mức thấp hơn 150%. Công ty lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính hàng tháng và báo cáo tỷ lệ đó cho UBCKNN.

Tỷ lệ an toàn tài chính/tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được tính theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ an toàn tài chính (\%)} = (\text{Vốn khả dụng}/\text{tổng rủi ro}) * 100\%$$

$$\text{Vốn khả dụng} = \text{Tài sản} - \text{Nợ phải trả} - \text{Giảm trừ vốn chủ sở hữu} + \text{Tăng vốn chủ sở hữu}$$

$$\text{Tổng rủi ro} = \text{Rủi ro thị trường} + \text{Rủi ro tín dụng} + \text{Rủi ro hoạt động}$$

Theo đó, tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 222%.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.8 Phân loại lại số liệu tương ứng

Trong kỳ, do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và yêu cầu trình bày báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo Thông tư 210, một số khoản mục tương ứng trên Báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.

a. Trích từ Báo cáo thu nhập toàn diện giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Kỳ trước (đã được trình bày trước đây) VND	Điều chỉnh theo Thông tư 210 VND	Kỳ trước (được trình bày lại) VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG		4.345.574.232	2.878.140.345	7.223.714.577
1. Doanh thu				
Trong đó:				
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (**)	[1]	1.328.022.363	(1.328.022.363)	-
1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (*)	[1]	-	6.302.750.142	6.302.750.142
a. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (*)	[1]	-	1.074.841.363	1.074.841.363
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (*)	[1]	-	3.077.611.524	3.077.611.524
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL (*)	[1]	-	2.150.297.255	2.150.297.255
2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu (*)	[1]	-	13.290.319	13.290.319
6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn	[1]	709.007.369	-	709.007.369
7. Doanh thu lưu lý chứng khoán	[1]	188.541.249	-	188.541.249
8. Thu nhập hoạt động khác (*)	[1]	2.120.003.251	(2.109.877.753)	10.125.498
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		5.436.910.830	(5.871.401.441)	(434.490.611)
1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) (*)	[2]	-	7.335.659.015	7.335.659.015
a. Lỗ bán các tài sản tài chính (*)	[2]	-	2.719.150.885	2.719.150.885
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ (*)	[2]	-	4.616.508.130	4.616.508.130
2. Chi phí lãi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu (*)	[2]	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
3. Chi phí hoạt động tự doanh (*)	[2]	-	569.585.977	569.585.977
4. Chi phí môi giới chứng khoán (*)	[2]	-	1.365.149.183	1.365.149.183
5. Chi phí tư vấn (*)	[2]	-	132.709.795	132.709.795
6. Chi phí lưu ký chứng khoán (*)	[2]	-	162.405.419	162.405.419
3. Chi phí hoạt động kinh doanh (**)	[2]	5.436.910.830	(5.436.910.830)	-
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			199.471.179	199.471.179
1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ (*)	[1]	-	199.471.179	199.471.179
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			4.300.000	4.300.000
1. Chi phí lãi vay (*)	[2]	-	4.300.000	4.300.000
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ		(4.977.964.639)	8.944.712.965	3.966.748.326

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.8 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Kỳ trước (đã được trình bày trước đây) VND	Điều chỉnh theo Thông tư 210 VND	Kỳ trước (được trình bày lại) VND
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC		(349.465.000)	-	(349.465.000)
1. Thu nhập khác		535.000	-	535.000
2. Chi phí khác		350.000.000	-	350.000.000
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		3.537.163.041	-	3.537.163.041

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo thu nhập toàn diện theo Thông tư 210.

(**) Các chỉ tiêu của Báo cáo thu nhập toàn diện không còn được trình bày theo Thông tư 210.

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[1] Phân loại lại các khoản mục doanh thu hoạt động theo quy định của Thông tư 210.

[2] Phân loại lại các khoản mục chi phí hoạt động theo quy định của Thông tư 210.

b. Trích từ Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Diễn giải	Số dư đầu kỳ (đã được trình bày trước đây) VND	Điều chỉnh theo Thông tư 210 VND	Số dư đầu kỳ (được trình bày lại) VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		107.512.074.913	(2.880.233.525)	104.631.841.388
I. Tài sản tài chính		107.349.735.213	(3.196.944.701)	104.152.790.512
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		16.532.648.157	(14.972.233.525)	1.560.414.632
a. Tiền	[3]	16.532.648.157	(14.972.233.525)	1.560.414.632
1. Đầu tư ngắn hạn (**)	[4]	40.170.937.617	(40.170.937.617)	-
2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn (**)	[4]	(493.248.748)	493.248.748	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) (*)	[4]	-	51.777.688.869	51.777.688.869
3. Các khoản cho vay (*)	[4]	-	1.480.977.107	1.480.977.107
5	[5]	-	-	-
4. Các khoản phải thu		-	49.095.764.023	49.095.764.023
a. Phải thu bán các tài sản tài chính (*)	[5]	-	44.125.276.126	44.125.276.126
b. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính (*)	[5]	-	4.970.487.897	4.970.487.897
- Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận (*)	[5]	-	3.621.687.899	3.621.687.899
- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận (*)	[5]	-	1.348.799.998	1.348.799.998
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn (**)	[5]	324.711.176	(324.711.176)	-
5. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp (*)	[5]	5.197.170.021	(5.146.605.107)	50.564.914
6. Các khoản phải thu khác (*)	[5]	45.617.516.990	(45.430.136.023)	187.380.967
II. Tài sản ngắn hạn khác		162.339.700	316.711.176	479.050.876
1. Tạm ứng (*)	[6]	-	162.339.700	162.339.700
3. Tài sản ngắn hạn khác (*)	[6]	162.339.700	154.371.476	316.711.176

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.8 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

b. Trích từ Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

TÀI SẢN	Diễn giải	Số dư đầu kỳ (đã được trình bày trước đây) VND	Điều chỉnh theo Thông tư 210 VND	Số dư đầu kỳ (được trình bày lại) VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.708.857.560	(12.092.000.000)	616.857.560
I. Tài sản tài chính dài hạn		12.100.000.000	(12.100.000.000)	-
2. Các khoản đầu tư dài hạn (**)		12.100.000.000	(12.100.000.000)	-
2.1 Đầu tư chứng khoán dài hạn (*)	[4]	16.130.000.000	(16.130.000.000)	-
2.2 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (**)	[4]	(4.030.000.000)	4.030.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác		608.857.560	8.000.000	616.857.560
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	[6]	-	616.857.560	616.857.560
3. Tài sản dài hạn khác (**)	[6]	608.857.560	(608.857.560)	-
TỔNG CỘNG		120.220.932.473	(14.972.233.525)	105.248.698.948
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ		394.972.233.525	(14.972.233.525)	380.000.000.000
II. Nợ phải trả dài hạn		394.972.233.525	(14.972.233.525)	380.000.000.000
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	[7]	394.972.233.525	(14.972.233.525)	380.000.000.000
TỔNG CỘNG		394.972.233.525	(14.972.233.525)	380.000.000.000

(*) Các chỉ tiêu mới của Báo cáo tình hình tài chính theo Thông tư 210.

(**) Các chỉ tiêu của Báo cáo tình hình tài chính không còn được trình bày theo Thông tư 210.

Chi tiết diễn giải số liệu điều chỉnh của một số khoản mục chính như sau:

[3] Điều chỉnh tiền gửi của nhà đầu tư ra theo dõi ngoại bảng.

[4] Phân loại lại danh mục đầu tư theo quy định của Thông tư 210.

[5] Phân loại lại các khoản mục phải thu theo quy định của Thông tư 210.

[6] Phân loại lại các khoản mục tài sản khác theo quy định của Thông tư 210.

[7] Phân loại lại các khoản mục vay và nợ theo quy định của Thông tư 210.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

26.8 Phân loại lại số liệu tương ứng (tiếp theo)

c. Trích từ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Kỳ trước (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 210	Kỳ trước (trình bày lại)
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ		28.740.943.430	(14.298.786.504)	14.442.156.926
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		28.740.943.430	(14.298.786.504)	14.442.156.926
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK		14.784.835.166	(14.298.786.504)	486.048.662
- Các khoản tương đương tiền		13.950.631.955	-	13.950.631.955
- Tiền mặt		5.476.309	-	5.476.309
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ		25.227.050.537	(23.898.319.478)	1.328.731.059
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		25.227.050.537	(23.898.319.478)	1.328.731.059
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK		25.222.130.782	(23.898.319.478)	1.323.811.304
- Các khoản tương đương tiền		-	-	-
- Tiền mặt		4.919.755	-	4.919.755

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của nhà đầu tư

CHỈ TIÊU	Diễn giải	Kỳ trước (số liệu đã trình bày)	Điều chỉnh theo Thông tư 210	Kỳ trước (trình bày lại)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng		-	14.298.786.504	14.298.786.504
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		-	14.298.786.504	14.298.786.504
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		-	7.043.933.504	7.043.933.504
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	7.254.853.000	7.254.853.000
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng		-	23.898.319.478	23.898.319.478
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		-	23.898.319.478	23.898.319.478
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		-	18.114.242.478	18.114.242.478
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	5.784.077.000	5.784.077.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05g-CTCK

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả thu nhập toàn diện giữa niên độ của Công ty sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thị Khánh Hòa
Người lập



Nguyễn Thị Lệ Tùng
Kế toán Trưởng



Cao Thanh Định
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

